








# Thất Thập Nhị Huyền Công - Techniques de base VVDCE- Bộ Pháp

Libre du Võ sư  
mãj: 23/09/2012

Techniques	Catégories	Nom en vietnamien	Prononciation	Signification	programm e	Photos
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Lập tấn	[Lap Teun]	Position droite position dite « rassemblée »	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Chuẩn bị	[tchuan bi]	Position dite « de préparation »	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Liên hoa tấn	[liene hao teune]	Position de la fleur qui se referme, dite « du lotus »	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Hạc tấn	[Hac Teun]	Position de la grue.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Độc hành vũ tấn	[Dock Han Vou Teun]	Position du marcheur solitaire.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Đi sơn tấn	[di seune teun]	Position qui pousse la montagne.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes.</i>	Xà tự tấn	[Ksa Teu Teun]	Position du petit serpent.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes.</i>	Âm dương tấn	[Am Zoung Teun]	Position du yang et du yin.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes.</i>	Hồi nhi Tấn	[hoi gni teun]	Position du cheval dragon.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes.</i>	Chào má tấn	[Tchao Ma Teun]	Position du salut (ou du sabot) du cheval	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes.</i>	Đỉnh tấn	[Din Teun]	Position du caractère Dĩnh ou du pic.	1	

<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes.</i>	Nhi tấn	[Ni Teum]	Position de la licorne	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes.</i>	Trung bình tấn	[Tchoum Bin Teum]	Position du juste milieu.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Hạ bộ <i>Positions basses</i>	Tọa tấn	[Toa Teum]	Position assise.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Hạ bộ <i>Positions basses</i>	Hạ mã tấn	[Ha Ma Teum]	Position du cheval couché.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Hạ bộ <i>Positions basses</i>	Ngoa tấn	[Gooa Teum]	Position allongée.	1	
<b>Bộ Pháp</b> Techniques de positions.	Hạ bộ <i>Positions basses</i>	Qủi tấn	[Cui Teum]	Position de la tortue ou à genoux	1	